

MỤC LỤC

LỜI MỞ 7

MÀU PHỐ VÀ ĐƯỜNG CHỮ 11

Hàng Ngang áo xanh, Hàng Đào lụa đỏ 12

Tên cha ông là ngọn đèn thành phố 26

Khơi một thủy lộ văn vật 42

Vùng nước vùng chữ góc thành nam 64

Rùa vàng, ngựa trắng nơi dạt dào sóng cuộn 89

Thướt tha bên hồ liễu thưa 105

Ba trăm năm lẻ bên hồ lụa 120

Những ngã ba và mặt gương thời gian 135

Một di sản phố “Hàng Báo” của Hà thành 156

Sự dang dở của một khu phố văn chương 175

Ánh đèn hoa trên tầng tập thể cũ 196

PHẤN VÀ BỤI KINH THÀNH 213

Người kể chuyện của phủ Hoài sông Tô 214

Tay yếu gieo lòng xuống chiếu hoa 229

Ánh sáng dịu dàng của ký ức văn hóa 251

Điệu đàn sao khuya sóng sánh 275

Khi màn nhung mở ra	289
Thuở mơ về ánh sáng kinh kỳ tràn lan	303
Món khô món ướt Hà Nội	319
Bánh mì từ lâu son đến vỉa hè	331
Huyền thoại một vị ngọt	340
Gien ăn ngon và gien nói về miếng ngon	349
Những chuyến tàu xuyên thành phố	365

*Những ảnh trong sách
không ghi tên người chụp là ảnh tư liệu*

Lời mở

Cuốn sách này là một cuộc nhận diện bản chất văn hóa của Hà Nội theo các vùng không gian đô thị trên thực địa. Không phải ngẫu nhiên mà các lần mở rộng địa giới hành chính Hà Nội đều gắn với việc định ra các khu phố, quận, huyện. Một trong những cơ sở của sự phân chia ấy là tính tương đồng và cân bằng giữa các khu dân cư gần gũi trong một phạm vi đủ tạo nên một đơn vị đời sống. Sau năm 1954, nội thành Hà Nội từng chia thành 8 khu phố: Trúc Bạch, Ba Đình, Đống Đa, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hàng Cỏ, Hai Bà Trưng, Bạch Mai; rồi chuyển sang mô hình bốn khu phố và sau đó là các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng. Năm 2025, các quận, huyện giải thể, Hà Nội được sắp xếp lại thành 51 phường và 75 xã mới.

Nhưng dù địa giới thay đổi, thành phố vẫn được định hình bởi những khu vực, những tuyến đường hay thủy lộ văn hóa tạo nên bề dày đời sống của cộng đồng cư dân.

Trong lịch sử cận hiện đại, Hà Nội được cấu trúc từ những đơn vị dạng khu phố, là kết quả của các đợt quy hoạch và phát triển đô thị. Mỗi khu phố có hình thái kiến trúc và

chức năng chủ đạo tương đối đặc thù, tạo nên nét riêng. Trên cơ sở các không gian vật chất ấy, những địa chỉ hoạt động văn hóa được hình thành, tạo ra một hệ thống có ảnh hưởng lớn đến bản sắc Hà Nội trong hơn một thế kỷ qua.

Mỗi khu phố tạo nên một phong cảnh riêng, đan cài với nhau. Khu phố cổ gắn với các địa chỉ văn hóa truyền thống như đình, đền, hội quán, văn chỉ; đồng thời là nơi tập trung những cơ sở văn hóa mang độ nén cao như nhà in, tòa báo dọc các phố Hàng Bông, Hàng Gai và một số hội đoàn có ảnh hưởng xã hội. Khu biệt thự nhỏ kiểu thành phố vườn quanh hồ Thiền Quang gợi nên một ý tưởng lãng mạn nhưng cũng chứng kiến nhiều biến động văn hóa ở tầng sâu. Khu vực hồ Trúc Bạch hay vùng phía nam thuộc Mơ - Sét là sự cộng sinh giữa địa mạo, thiên nhiên và sự biến cải của con người, tạo nên những sắc thái đặc biệt mà các nghiên cứu văn hóa đô thị không thể bỏ qua. Dòng sông Tô Lịch, dù dấu vết đã phai mờ, vẫn nối kết các không gian ấy và đặt ra những suy tư cho người hôm nay trong việc kiến tạo môi cảnh đô thị nhân văn.

Một người có mười ngón tay, mỗi ngón mang một vân tay không giống nhau và không giống ai. Với Hà Nội cũng vậy, mỗi vùng địa lý văn hóa giống như một vân tay làm nên nhận diện của đô thị. Có lẽ cũng cần những tiểu địa chỉ văn hóa cho các không gian đã góp phần tạo nên hình thái và chiều sâu đời sống Hà Nội. Đó có thể là những ghi chép theo lối đi xuyên không từ xưa đến nay, qua từng vùng riêng mà vẫn kết nối với nhau; cũng có thể là những cuộc du ngoạn thành phố dưới tác động của các tiện nghi

hiện đại, từ ảnh điện Bờ Hồ đến mì chính trong bát phở. Chúng ta sống trong vòng chi phối của chúng, chứng kiến những đổi thay, và việc khám phá, ghi lại những đổi thay ấy là một cách làm cho đời sống thêm thú vị, như được sống thêm nhiều cuộc đời trên cùng mảnh đất này.

Cuốn sách này là kết quả của nhiều năm tìm hiểu và suy tư về khung cảnh Hà Nội, ghi lại bằng câu chữ trên máy tính lẫn những ký họa trong sổ tay. Những ký họa được dùng trong sách là kết quả của quá trình diễn dã ấy.

Những địa danh, địa giới và đơn vị hành chính nhắc đến trong sách là theo thời điểm cụ thể và trước ngày 1/7/2025.

Hà Nội mùa hạ 2026
Nguyễn Trương Quý

PHẦN 1

MÀU PHỐ VÀ ĐƯỜNG CHỮ

Viết về Hà Nội, đầu tiên sẽ luôn là khu phố cổ, linh hồn của thị thành Kẻ Chợ xa xưa. Nhưng phố cổ đã đổi thay về diện mạo quá nhiều, khảo lại quá khứ là một việc khó khăn, cũng như nơi chốn này tuy phong phú chuyện song lại không dễ viết khi đã có nhiều người đã làm việc đó. Bắt đầu từ những thứ rất cơ bản như tên phố hay một quá khứ hoàng kim của nghề nghiệp xưa đã định vị sắc thái phố, cùng những đường ngang ngõ tắt đã khuôn dạng nên đời sống phong tục thế nào, ta có thể cảm nhận thành phố như một khối nhiều màu sắc, vốn đã để lại nhiều cảm hứng trong nghệ thuật, tạo ra sự phì nhiêu cho những phần hoa nhiều thời.

Hàng Ngang áo xanh, Hàng Đào lụa đỏ



Trong khung cảnh Hà Nội ngày nay, ta dễ dàng mô tả thành phố với màu sắc nhiều khi đã thành khuôn mẫu: màu nước sông Hồng đỏ phù sa, hồ Hoàn Kiếm xanh màu tảo nên từng có tên hồ Lục Thủy, màu vàng các biệt thự thời Pháp, các mùa lá như “cây com nguội vàng, cây bàng lá đỏ”... Trong các địa danh hay tên phố, một số cái tên có từ chỉ thị màu, gọi ra những dấu vết thực hành

văn hóa sống trải qua nhiều thời đại, làm nên một chân dung khu vực sống động.

Những tên phố hay địa danh ở đô thị ở Việt Nam có một tác dụng to lớn là phần nào hé mở xuất xứ phong tục đời sống, giúp người đời sau hình dung về tổ chức không gian đô thị. Trong bối cảnh Hà Nội, nói đến phố cổ là nói đến các phố Hàng, chủ yếu nằm trong dân cư phía đông Hoàng thành Thăng Long cũng như thành Hà Nội sau này, từng được gọi là Đông Thành. Chúng là kết quả của hình thái đời sống một đô thị pha trộn giữa phường thủ công, phường nghề nông và phường buôn bán. Mỗi tên phố cung cấp thông tin chức năng khá rõ ràng. Qua năm tháng, chúng trở thành một loại di sản mà người Hà Nội tự hào.

Trước tiên phải nói về phạm vi khu phố phía đông Hoàng thành thời Lê. Vào thời này, bức tường phía đông Hoàng thành ra tới tận khu vực đình Đông Môn (8 Hàng Cân) và chùa Đông Môn (còn gọi là chùa Cầu Đông, 38B Hàng Đường). Cái tên Đông Môn đã cho thấy phạm vi của bức tường thành ăn ra tận giữa tam giác phố cổ ngày nay. Năm 1749, chúa Trịnh Doanh cho đắp vòng La thành (vòng thành ngoài), đoạn giáp sông Nhị Hà cũng chính là một đường đê ngăn nước, bảo vệ khu dân cư Đông Thành. Con đê kiêm bức tường thành này có hình dáng những con đê quai (“đường Bành Lao”) mà nay dấu vết là các phố Thanh Hà - Đào Duy Từ - Mã Mây liên tiếp nối nhau. Nhìn trên bản đồ thời nay, khu phố trung tâm Kẻ

Chợ khá mỏng bề ngang, chạy dài từ phía bắc hồ Hoàn Kiếm đến dòng chảy cũ sông Tô Lịch, ước chừng 40ha. Trong diện tích khiêm tốn ấy, đã có một lịch sử của các phố Hàng.

Văn bản đề cập đến tên phố Hàng sớm nhất còn đến giờ ra đời hơn 400 năm sau khi Lý Thái Tổ định đô ở Thăng Long. Đó chính là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, soạn từ năm 1435, được khắc in vào thời Tự Đức, cũng là quyển sách địa lý học xưa nhất của người Việt còn lại ngày nay. Nguyên đoạn viết về các phường ở Thăng Long trong *Dư địa chí* như sau: “Ở vùng này, đất thì vàng, mềm; ruộng thì vào hạng thượng trung. Phường Tàng Kiếm làm kiệu, áo giáp, đồ dài mâm, võng, gấm trều và dù lọng. Phường Yên Thái làm giấy. Phường Thụy Chương và phường Nghi Tàm dệt vải nhỏ và lụa. Phường Hà Tân nung đá vôi. Phường Hàng Đào nhuộm điều. Phường Tả Nhất làm quạt. Tây Hồ có cá to. Phường Thịnh Quang có long nhãn. Phường Đường Nhân bán áo điệp y”.

Cụm “Hàng Đào nhuộm điều” trong nguyên văn chữ Hán là “Hàng Đào xích nhiễm”. Trong cả đoạn về các phường ở Thăng Long, liên quan đến màu sắc chỉ có thêm “áo điệp y” của phường Đường Nhân, với lời giải thích: “Đường Nhân là phố khách thương Quảng Đông, Quảng Tây ở. Diệp y là thứ áo người Trung Quốc mặc: áo trong thì tay áo, thân áo đều dài, áo ngoài thì tùy thứ tự mà quần lên, trông tựa lá màu xanh biếc”.



Cụm từ "Hàng Đào xích nhiễm" trong tờ trích trong sách "Hoàng Lê Ước Trai tướng công di tập", bản chép tay, tài liệu của Nomfoundation.org; và ảnh đình Đồng Lạc ở 38 Hàng Đào do Léon Busy chụp khoảng năm 1915.

Hơn bốn thế kỷ sau Nguyễn Trãi, *Đại Nam nhất thống chí* gọi Hàng Đào là phố Thái Cực với lời dẫn giải: “nhuộm màu hồng lạt để bán, có tên nữa là phố Hàng Đào” và nhắc thêm: “*Dư địa chí* của Nguyễn Trãi nói: ‘Hàng Đào nhuộm màu đỏ’, nay đổi là phường Đại Lợi”. Trong khi đó ghi chép có thêm phố Đồng Lạc, “bán yếm và y phục phụ nữ”. Đáng nói là hiện nay còn di tích ngôi đình Đồng Lạc ở số nhà 38, có dòng chữ Hán trên tam quan là “Đồng Lạc quyển yếm thị” – chợ bán yếm lụa. Dường như mặt hàng yếm màu đỏ được yêu thích nhất nên nghiễm nhiên một chiếc yếm may bằng lụa đào là sản vật điển hình của phố. Có thể kể ra nhiều câu ca dao về chiếc yếm lụa đào để đồng ý rằng, phải có hẳn một

phố bán yếm và phải là yếm lụa đào ngay ở trung tâm Kẻ Chợ! Vì thế cũng rất tự nhiên khi có lúc người ta gọi là phố Hàng Yếm.

Theo cuốn địa chí thời Nguyễn, ta có thể hiểu là phố Hàng Đào hiện giờ là hai phố Thái Cực và Đồng Lạc hợp lại. Còn phố Việt Đông đã thay tên Đường Nhân (Việt Đông là tên để chỉ người Quảng Đông), để một phố khác có nghề thủ công chuyên về màu xuất hiện là phố Hàng Lam, được xác định là khu vực Cửa Nam, đoạn đầu Hàng Bông và Thợ Nhuộm ngày nay. Màu lục và màu lam là màu chủ đạo của quan phục nhiều triều đại, chẳng hạn cuối thời Trần thì “quan tứ phẩm màu xanh lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu xanh biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, kỷ nhà Trần, Thuận Tông hoàng đế), nên có thể dễ hiểu nhu cầu sinh ra một dãy phố chuyên nghề nhuộm màu này.

Tuy nhiên trong đời sống, thứ màu có lẽ quan trọng nhất trong đời sống bình dân là nâu, có tận hai phố liên quan nhưng các văn bản không nhắc đến. Chính Thợ Nhuộm (trước gọi là Hàng Bông Nhuộm) cũng gồm đoạn hàng phố nhuộm chàm, lam và đoạn phố nhuộm nâu. Ngay sát phạm vi bức tường phía đông Hoàng thành thời Lê là phố Hàng Vải Thâm, nơi bán vải tấm của dân Kẻ Bưởi ra và củ nâu để nhuộm vải của người lao động. Đây chính là khu vực chợ Đông Thành, chợ lớn nhất Kẻ Chợ thời Lê, trước khi có chợ Đồng Xuân vào cuối thế kỷ 19. Hàng Vải Thâm

lại giáp Hàng Vải, nơi chuyên bán vải trắng, nay là đoạn đầu phố Thuốc Bắc.

Phố thứ hai là Hàng Nâu (Trần Nhật Duật ngày nay). Do nằm bên bờ sông Hồng, giáp với các bến thuyền, thuận tiện cho vận chuyển mặt hàng củ nâu từ vùng sơn cước về nên dãy phố này đã ra đời. Phố Hàng Nâu xuất hiện có lẽ muộn, sau khi khu phố Đông Thành mở rộng vượt qua con đê cũ ứng với vòng La thành (vòng thành ngoài cùng) thời Trịnh Doanh đắp năm 1749. Bằng chứng là cửa ô Quan Chưởng xây thời Minh Mạng nằm trên đoạn Thanh Hà - Đào Duy Từ, trong khi phố Hàng Nâu (Trần Nhật Duật) nằm hẳn bên ngoài phạm vi được bảo vệ này. Trên văn bản địa chí về tên phố, màu nâu truyền thống dường như chỉ có vai trò bên lề so với màu đỏ gọi cảm và màu xanh quyền quý.

Sau khi bình định Bắc Kỳ năm 1883, người Pháp gọi Hàng Đào là Rue de la Soie (phố Lụa), còn đoạn phố Đường Nhân kế cận là Rue des Cantonnaires (phố người Quảng Đông), song song với cách người Việt gọi là phố Hàng Ngang. Với màu nâu, người Pháp bỏ qua yếu tố màu sắc mà đặt tên là Rue des Etoffes (Hàng Vải) và Quai du Commerce (Bến Thương mại) rồi Quai Clémenceau (theo tên Thủ tướng Pháp), trong khi dân gian gọi là Hàng Vải và đường Bờ Sông. Người Pháp thêm một bước nữa, đã loại trừ các yếu tố màu sắc trong tên phố.

Hàng Ngang liền với Hàng Đào, ngày nay đi đôi

với nhau trở thành khẩu ngữ để chỉ trung tâm phố cổ. Tình cờ lịch sử đã xếp hai phố có yếu tố tạo ra vật phẩm có màu sắc liền kề nhau, Hàng Đào lụa đỏ và Hàng Ngang áo xanh.

Một vài tên khác có thể gọi lên màu sắc như Hàng Bạc, Hàng Vôi, Hàng Than, cũng là dạng màu suy luận từ vật liệu được dùng ở các phố hơn là một chỉ thị màu trực tiếp. Một thi sĩ tha hương hoài niệm về Hà Nội cũng từ những liên tưởng màu sắc ấy:

*“Ý hàng Đào chín mọng trái môi chia
Xin hàng Than rực cháy lửa đam mê
Khi quán quít trong ái ân Hà Nội”*

(Bài thơ Hà Nội - Hoàng Anh Tuấn)

* * *

Nói về tên các phố Hàng sẽ nhận ra rằng, không thật nhiều loại mặt hàng đặc trưng làm nên tên phố nhất thiết có chỉ định màu rõ ràng, liên quan đến màu sắc hay là có hình thức rực rỡ. Điềm ra thì có Hàng Thiếc, Hàng Đồng, Hàng Quạt, Hàng Lọng (nay là Lê Duẩn), Hàng Sơn (nay là Chả Cá), Hàng Khay (đồ sơn mài, khảm trai), Hàng Chiếu (thực ra chiếu cói thường giữ màu vàng ngà, chỉ in hoa và cạp viền), Tố Tịch (chiếu trắng)... Phố Hàng Trống là trường hợp đặc biệt khi nghề làm trống thất truyền mà thay vào đó nổi danh với nghề in và vẽ tranh thờ và tranh Tết, đương nhiên đủ ngũ sắc. Phố này

đã bao gồm một đoạn phố Hàng Thêu hay Thợ Thêu, cũng dùng đến màu sắc. Trên tấm bản đồ Hà Nội năm 1885 đoạn phố này lại mang tên Hàng Vải Đen.

Ngoài các tên phố Hàng, những địa danh khác ở Hà Nội dùng màu để chỉ định còn những phố nào? Phía bắc khu phố phía Đông kinh thành là phố Hồ Nhài, có từ thời Trần, là con đường dẫn từ Hoàng thành ra bến Đông Bộ Đầu. Vua sai các quan trồng hai bên đường những cây hòe, tượng trưng cho sự đỗ đạt. “Hòe hoa hoàng, cử tử mang”, hoa hòe nở vàng vào mùa thu là mùa sĩ tử bận rộn với việc thi cử. Màu vàng hoa hòe ở đây dĩ nhiên là một biểu tượng mang giá trị phẩm trật. Cũng gắn với một câu chuyện của kẻ sĩ, Bích Câu, “ngòi biếc”, là một xóm ở phía tây của Văn Miếu, nơi từng là đất văn chương của nhiều kẻ sĩ. Bích Câu gắn với truyền thuyết nho sinh Tú Uyên gặp nàng tiên Giáng Kiều ở chùa Ngọc Hồ (nay ở phố Nguyễn Khuyển, phía đông Văn Miếu). Truyện thơ Nôm *Bích Câu kỳ ngộ* lấy bối cảnh thời Lê Thánh Tông đã đưa những địa danh có thực của đất Thăng Long vào lời thơ:

*Thành tây có cảnh Bích Câu
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao!
Đua chen thu cúc, xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông
Xanh xanh dấy liễu, ngàn thông
Cỏ lan lối mục, rêu phong dấu tiền*

*Một vùng non nước quỳnh giao
Phất phơ gió trúc, dặt dìu mưa hoa*

Cuộc gặp gỡ kỳ lạ bên ngôi biếc là tên truyện, và ngôi biếc Bích Câu đã trở thành sắc xanh tô điểm cho hào quang văn chương đất kinh kỳ. Nhiều nhà nghiên cứu cũng xác định tác giả là Vũ Quốc Trân, một người làng Đan Loan (Bình Giang, Hải Dương), chính là ngôi làng quê gốc của nhiều cư dân phố Hàng Đào có nghề nhuộm điều đã nói tới. Tên chữ của làng cũng có nghĩa là chim phượng cái màu đỏ, là một sự chú ý đầy nho nhã.

Câu chuyện Tú Uyên gặp Giáng Kiều còn dẫn tới việc chàng mất dấu nàng ở giữa đường khu vực Quảng Văn Đình (Cửa Nam ngày nay), rồi chàng nho sinh “tới đền Bạch Mã, giải niêm cầu duyên”, bói thẻ và được thần báo mộng ra Cầu Đông bắc qua sông Tô Lịch đợi. Chàng chỉ gặp một ông lão bán tranh tố nữ mà người thiếu nữ trong tranh giống hệt Giáng Kiều. Câu chuyện trải qua những thăng trầm, hai người nên duyên chồng vợ, có con rồi Tú Uyên học phép tu tiên, cùng vợ bay về trời.

Câu chuyện nhắc tới nhiều địa danh có thực trên đất Thăng Long, trong đó có thêm một địa danh có màu sắc nữa là đền Bạch Mã. Ngôi đền được xếp vào Thăng Long tứ trấn, ở phía đông kinh thành, thờ thần ngựa trắng đã giúp Lý Thái Tổ xây thành khi dời đô ra Đại La. Tượng ngựa trắng thờ có ở nhiều nơi nhưng chỉ riêng

ngôi đền thờ một phúc hợp thần linh, từ thần Long Đỗ (rốn rồng) đến thần sông Tô Lịch, gọi là Đô quốc thành hoàng đại vương. Trong khi đó ngôi đền trấn phía bắc thường gọi là Quán Thánh đã làm người ta quên mất cái tên Trấn Vũ quán, nơi thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ, trị phương bắc, mang yếu tố thủy, có màu đen. Người ta thường nhớ đến pho tượng hợp kim đồng đen tạo hình vị thần này trong đền, tạc năm 1677 thời vua Lê Hy Tông. Chữ Huyền mang một nét nghĩa màu đen, cũng xuất hiện trong tên ngôi chùa Huyền Thiên, vốn là đạo quán ở 54 phố Hàng Khoai, bên cạnh chợ Đồng Xuân.

Bên cạnh màu đen huyền bí của thần thánh, còn có màu đen của chốn cần lao là bến Phà Đen. Khi dòng chảy sông Hồng ở phía bắc khu phố cổ Hà Nội chuyển dòng sang phía tả ngạn (Long Biên, Gia Lâm) thì các bến thuyền chuyển dần xuống phía nam. Bến Phà Đen mang cái tên phản ánh đặc điểm của những bãi than phục vụ cho tàu chạy bằng hơi nước, cho đến bây giờ vẫn thế, mặc dù cái tên chính thức là Cảng Hà Nội, nằm ở chân cầu Vĩnh Tuy.

Là đất kinh kỳ, ngoài màu vàng trong cái tên Hoàng thành, còn có màu vàng của truyền thuyết “trâu vàng hồ Tây” gắn với vị cao tăng Không Lộ thiền sư đi chữa bệnh cho thái tử nhà Tống. Khi trở về nước Nam, sư chỉ xin ít đồng đen để đúc chuông. Khi thỉnh chuông, tiếng vang đến tận phương bắc, trâu vàng bên đó ngỡ mẹ gọi bởi người xưa quan niệm “đồng đen là mẹ của vàng”, chạy

sang tới gần Thăng Long thì mất phương hướng, quần thảo một vùng tạo ra hồ nước sâu cùng những dòng sông. Quả chuông cũng được thả xuống hồ, từ đó có tên hồ Kim Ngưu. Truyền thuyết còn có vĩ thanh là hễ nhà nào sinh được mười người con trai thì sẽ kéo được trâu vàng lên. Biết bao nhiêu đứa trẻ đã đứng bên hồ khao khát chạm vào huyền thoại ấy.

Cái tên hồ Trâu Vàng đã không còn tồn tại nhưng còn dòng sông Kim Ngưu, chi lưu của sông Tô Lịch làm hào nước tự nhiên cho dãy lũy Đại La phía nam kinh thành. Đây thực chất là một chuỗi các ngòi nước và ao hồ liên thông, tạo ra một vùng trũng xen kẽ các làng mạc lấy những nghề căn bản như trồng rau màu hay ruộng nước, cung cấp rau quả cho chốn đô thành. Dòng chảy đi qua những làng xóm của vùng Mơ - Sét xưa, với tên những làng Hồng Mai, Hoàng Mai, Tương Mai. Thời Nguyễn, Hồng Mai vì kỵ húy vua Tự Đức nên đổi thành Bạch Mai. Thi sĩ Nguyễn Bính hoài niệm về những màu sắc của quá vãng nhiều phần tưởng tượng ấy: “Nhà nàng ở gốc cây mai trắng. Trên xóm mai vàng dưới đế kinh” (*Người con gái ở lầu hoa*). Cô gái sống ở phố Bạch Mai, phía trên là phố Huế và phía dưới là làng Hoàng Mai. Giản dị thế thôi mà cũng thành một bảng màu thật nên thơ kỳ ảo.

Ngoài hồ Tây từng có tên Trâu Vàng thì hồ Hoàn Kiếm (tức hồ Gươm) mang tên hồ Lục Thủy như đã nói ở đầu, hiển nhiên vì màu xanh của một loại tảo trong

hồ. Hồ cũng gắn với một linh vật có sắc vàng là rùa vàng Kim Quy, chính là sự tích Lê Thái Tổ trả gươm làm nên cái tên. Người Pháp khi chiếm Hà Nội, không đếm xỉa mấy đến những cái tên nhiều tầng ý nghĩa này, đặt thuần túy là Grand Lac (hồ Lớn) cho hồ Tây và Petit Lac (hồ Nhỏ) cho hồ Hoàn Kiếm.

Trong khi đó họ lại góp vào cái tên sông Hồng cho con sông lớn nhất miền Bắc chảy qua Hà Nội. Dòng như phù sa màu đỏ hồng của dòng chảy khá ấn tượng để người Pháp gọi là sông Đỏ (Fleuve Rouge), được Hán Việt hóa thành Hồng Hà. Các văn bản trung đại đều gọi là Nhĩ Hà (hình cái tai) hay đọc trại là Nhị Hà, rồi Phú Lương, Lô Giang... hoặc gọi nôm là sông Cái, tức sông mẹ, sông lớn nhất. Màu sắc chưa làm nên nhận diện của dòng sông huyết mạch kinh kỳ suốt thời trung đại. Nhìn rộng ra, khá hiếm hoi những tên có màu sắc như Bạch Đằng giang, Hoàng giang trong số các sông ngòi vùng Bắc Bộ, những nơi cư trú của người Việt nhiều nghìn năm. Ngoài sông Hồng, người Pháp còn gọi sông Đà là sông Đen, sông Lô là sông Trong.

Người họa sĩ nổi bật gắn đời mình với phố cổ Hà Nội là Bùi Xuân Phái lại góp một bảng màu riêng của ông: nâu xám. Tất nhiên thời ông vẽ phố cổ cũng là những năm tháng các phố Hàng trong thời chiến tranh, rồi đến bao cấp, không còn bán các mặt hàng có màu sắc rực rỡ như những cái tên gọi ra. Phố của ông dù là phố nào cũng có một hiện thực của cái nghèo, tường vôi lở

lối màu vàng đã chuyển ghi xám để lộ ra những mảng tường gạch nâu, bên dưới những mái nhà cũng nâu xám đầy vết rêu phong thời gian. Phố xám ấy hơn một lần được điểm màu qua trang thơ người cùng thời là Lưu Quang Vũ:

*Chỉ có những cột đèn mưa
Mái phố xám nâu hiu quạnh
Con đường dài bụi trắng
Nhịp cầu chờ đợi mệnh mong
Em ơi em có buồn không
Thành phố đang thời hỗn loạn*

(Vần thơ tình về một người đàn bà không có tên)

Khi những hình ảnh dần đổi màu sang bảng rực rỡ hơn của thời Đổi mới và bước sang thế kỷ 21, những sắc màu nâu xám lại thành nhận diện của một Hà Nội được hoài niệm: “*Phố buồn nâu, mái ngói buồn nâu. Cà phê đắng rơi từng giọt nâu buồn. Phố của tôi, thơ ấu đời tôi. Chiếc lá bàng rơi, trong đêm mưa những ảo ảnh xưa*” (Phố nghèo - Trần Tiến). Nâu xám đồng nghĩa cái nghèo, cái buồn, cái xưa cũ, để rồi nâu xám thành một ý niệm thẩm mỹ cho khu phố cổ chật hẹp rồi thành đại diện cho một thành phố.

Có một thời gian, một con đường là Lê Trọng Tấn ở rìa sân bay Bạch Mai cũ, nghĩa là xa trung tâm, được thí điểm áp dụng một lối lạ lùng: biển hiệu các cửa hàng

trên phố chỉ có hai màu xanh và đỏ, xen kẽ nhau, đã vậy lại còn thống nhất kiểu phong chữ. Được một thời gian, những người bán hàng mới kinh doanh những mặt hàng khác đã xáo trộn tính đồng phục này khi họ làm biển hiệu mới. Kết quả là biển phố có thêm những màu khác. Vốn dĩ sự áp đặt đã vấp phải sự phản đối từ trước song dường như nhà quản lý nôn nóng muốn lập ra một trật tự cho mỹ quan đô thị, nên bỏ qua sự phát triển tự nhiên của thị trường. Màu sắc trong đời sống làm sao nhốt được vào một vài màu chỉ định.

Những cái tên có màu sắc trong tên phố phường hay địa danh ở Hà Nội đủ vẽ ra một bức tranh đô thị cổ xưa, trộn lẫn giữa nhu cầu thực tế đời sống với những biểu tượng lễ nghi. Tên phố gọi lên màu sắc thông qua hàng hóa đi từ một tư duy trực quan của cư dân, gắn với những nhu cầu thật căn bản của người xưa. Điều ấy khiến chúng ta vào thời no nê thừa mứa màu sắc cảm động. Một dải đất nhỏ hẹp bên những dòng nước đã làm nên những sắc đỏ sắc vàng lộng lẫy, như những vệt bút màu điểm xuyết lên nền cảnh nâu trầm của màu đất và xanh mát của những khu vườn kỳ ngộ.